



ISO 9001:2015
VIMCERT 025

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: 99 Trần Quốc Toàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 Fax: 024-38223001



VILAS 441

Số: 01934/2025/PKQ (25/05.05-0825-NT)

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SỐNG HỒNG		
2	Địa chỉ:	Xã Nghĩa Thái, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định		
3	Ngày lấy mẫu:	28/04/2025		
4	Loại mẫu:	Nước thải		
5	Cán bộ tham gia thực hiện:			
Cán bộ hiện trường				
Phạm Công Thuyên		Tạ Mạnh Hà	Phạm Hải Long	
Cán bộ phòng thí nghiệm				
Lê Anh Thư.		Tạ Thị Trang Nhâm	Đào Thu Hiền	Trần Thị Cẩm Thơ
Đoàn Thị Thu Trang				

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	25.825/150 /NT/1762	25.825/150 /NT/1763	QCVN 14:2008 /BTNMT Cột B*	QCVN 40:2011 /BTNMT Cmax – Cột B**
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,92	7,71	5 ÷ 9	5,5 ÷ 9
2	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	94,7	<3,0 ^(a)	50	49,5
3	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/L	158,1	<9,0 ^(a)	-	148,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	22	7	100	-
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,530	<0,038	4	0,495
6	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	<1,80 ^(a)	<0,6	-	9,9
7	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	63,8	<0,05	10	9,9
8	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	68,0	20,0	-	39,6
9	Tổng photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	6,59	3,16	-	5,94
10	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	<0,03	<0,03	-	1,98
11	Tổng Coliforms	SMEWW 9221B: 2023	MPN /100mL	280.000	<2	5.000	-

Ghi chú:

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (*): Cmax - Cột B, K=1 đối với loại hình cơ sở sản xuất, doanh trại lực lượng vũ trang có quy mô, diện tích từ 500 người trở lên.;

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm quan trắc.
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- (**): Cmax - Cột B; Kq=0,9 và Kf=1,1;
- (a): Giới hạn định lượng của phương pháp;
- (-): không xác định;
- 25.825/150/NT/1762: Nước thải trước xử lý;

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Liễu

- 25.825/150/NT/1763: Nước thải sau xử lý.

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Cán bộ QA/QC

Trưởng phòng

Vũ Thị Thanh Phương

Đặng Thị Thu Hà



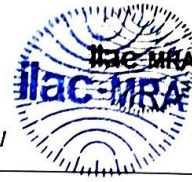
1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm quan trắc.
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ



ISO 9001:2015
VIMCERT 025

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: 99 Trần Quốc Toàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 Fax: 024-38223011



Số: 01935/2025/PKQ (25/05.05-0825-NN)

Hà Nội, ngày 9 tháng 5 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
2	Địa chỉ:	Xã Nghĩa Thái, Huyện Nghĩa Hưng, Nam Định
3	Ngày lấy mẫu:	28/04/2025
4	Loại mẫu:	Nước dưới đất
5	Cán bộ tham gia thực hiện:	
Cán bộ hiện trường		
	Phạm Công Thuyền	Tạ Mạnh Hà
		Phạm Hải Long
Cán bộ phòng thí nghiệm		
	Lê Anh Thư.	Tạ Thị Trang Nhâm
		Nguyễn Thị Thanh Hải
	Đào Thu Hiền	Đoàn Thị Thu Trang
		Nguyễn Văn Trang

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	25.825/150 /NN/1764	QCVN 09:2023/BTNMT Giá trị giới hạn*
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,38	5,8 ÷ 8,5
2	Tổng Coliform	SMEWW9221B:2023	MPN /100 mL	<2	3
3	Nitrate (NO ₃ ⁻ tính theo Nitơ)	US EPA Method 352.1	mg/L	<0,03	15
4	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo Nitơ)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,44	1
5	Chỉ số permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	<0,9 ^(a)	4
6	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	SOP - 1.14	mg/L	225	1.500
7	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)	TCVN 6224:1996	mg/L	140	500
8	Arsenic (As)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	<0,0009	0,05
9	Chloride (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	41,0	250

Ghi chú:

- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất ;
- (*): Giá trị giới hạn tối đa của các thông số chất lượng nước dưới đất;
- (a): Giới hạn định lượng của phương pháp;
- (-): không xác định;
- 25.825/150/NN/1764: Nước ngầm.

TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Cán bộ QA/QC

Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng

Đặng Thị Thu Hà

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm quan trắc.
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ